

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 13 - 7 - 2021  
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Vượng – Bà Lê Thị Thành

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 35/TBXX ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Nguyệt A, sinh năm 1988; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Toàn T, sinh năm 1985; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 4, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Đỗ Thị Nguyệt A trình bày:*

Chị Đỗ Thị Nguyệt A và anh Bùi Toàn T đăng ký kết hôn ngày 09/6/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T hay chửi bới, đánh đập vợ. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không khắc phục được, chị A xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị A và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Đỗ Thu H, sinh ngày 02/01/2011 và cháu Bùi Đỗ Gia H, sinh ngày 23/10/2013. Chị A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đồng/ tháng cho đến khi cháu H, cháu H1 đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Bùi Toàn T vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Nguyệt A.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, Bị đơn anh Bùi Toàn T có hộ khẩu thường trú tại tổ 4, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Nguyệt A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Toàn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Nguyệt A kết hôn với anh Bùi Toàn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Theo chị A, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T hay chửi bới, đánh đập vợ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh T vắng mặt không có lý do, thể hiện anh T không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị A là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị A và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Đỗ Thu H, sinh ngày 02/01/2011 và cháu Bùi Đỗ Gia H1, sinh ngày 23/10/2013. Chị A đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.000.000đồng/ 01 tháng cho đến khi cháu H, cháu H1 đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung của chị A là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu H, cháu H1 là được ở cùng chị A khi bố mẹ ly hôn. Quá trình giải

quyết vụ án, anh T không có ý kiến gì với nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị A. Khi ly hôn, cha mẹ vẫn phải có nghĩa vụ với con chung chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của chị A được chấp nhận cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đồng/ 01 tháng, kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi cháu H, cháu H1 đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị A, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83; 107, 110; 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1. Về hôn nhân:** Chị Đỗ Thị Nguyệt A được ly hôn anh Bùi Toàn T.

**2. Về con chung:** Giao cho chị Đỗ Thị Nguyệt A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Đỗ Thu H, sinh ngày 02/01/2011 và cháu Bùi Đỗ Gia H1, sinh ngày 23/10/2013.

Anh Bùi Toàn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H, cháu H1, mỗi cháu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng, kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi cháu H, cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Bùi Toàn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh T chậm thi hành, thì hàng tháng anh T còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**3. Về án phí:** Chị Đỗ Thị Nguyệt A phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0009606, ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y (Chị A đã nộp đủ tiền án phí). Anh Bùi Toàn T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung (Anh T chưa nộp).

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Đỗ Thị Nguyệt A và anh Bùi Toàn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. Y, Tp. Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Tuyền**